TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-PT
Ngày: 05-01-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 668/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Các nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm C tháng D, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Huỳnh Văn H sinh năm 1962; địa chỉ: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Khóm 30 tháng D, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Các bị đơn:

1. Ông Lê Chí N (T), sinh năm 1984 (có yêu cầu phản tố). Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 02 năm 2023).

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Chí N

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị.

(Ông H, bà G, bà S có mặt. Bà P và bà T1 xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Phạm Thị G và ông Huỳnh Văn H như sau:

Ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị G là vợ chồng. Do quen biết, ông bà có cho ông Lê Chí N và bà Nguyễn Thị Kim P vay tiền 03 lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15 tháng 8 năm 2019, vay số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng có làm biên nhận vay tiền, ông N và bà P có trả lãi mỗi tháng 30.000.000đ, đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Lần 2: Ngày 30 tháng 10 năm 2020, vay số tiền 500.000.000đồng, không có làm giấy tờ, lãi suất 2% tháng.

Lần 3: Ngày 03 tháng 3 năm 2021, vay số tiền 500.000.000 đồng không có làm giấy tờ, chuyển khoản vào Tài khoản số 68010000642940 của ông N, lãi suất 2% tháng.

Tổng cộng số tiền ông N, bà P vay là 2.500.000.000đồng. Ông N trả lãi mỗi tháng 50.000.000đồng, đến ngày 30 tháng 8 năm 2021 thì không thanh toán.

Vào ngày 22/11/2021, ông N có nhờ bà Lê Thị T1 trả 500.000.000đồng tiền gốc. Hiện nay ông N và bà P còn nợ tiền gốc là 2.000.000.000đồng và nợ tiền lãi cụ thể như sau:

- Lãi của số tiền 2.500.000.000đồng: thời gian từ ngày 30 tháng 8 năm 2021 đến 30 tháng 11 năm 2021, mỗi tháng 25.000.000đồng x 4 tháng = 100.000.000đồng.

- Lãi suất của số tiền 2.000.000.000đồng: thời gian từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 đến ngày 30 tháng 11 năm 2022 mỗi tháng là 15.000.000đồng x 12 tháng = 180.000.000đồng.

Như vậy, đến ngày 30 tháng 11 năm 2022, ông N và bà P nợ số tiền gốc là 2.000.000.000đồng và tiền lãi suất là 280.000.000đồng.

Các lần trả lãi, ông N thanh toán thông qua tài khoản số 070076052849 tại Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh D do ông Huỳnh Văn H là chủ tài khoản.

Nay ông H, bà G yêu cầu ông Lê Chí N và bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 2.000.000.000đồng và số tiền lãi còn nợ là

280.000.000đồng. Ngoài ra, ông H, bà G tiếp tục yêu cầu ông N và bà P liên đới trả tiền lãi của số tiền gốc còn nợ là 2.000.000.000đồng theo mức lãi suất là 2%/ tháng, thời gian từ ngày 30 tháng 12 năm 2022 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: ông H, bà G không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông N, bởi vì không có việc vay tiền của ông N. Ông Nguyễn Thành T2 và bà Trần Thị Mỹ L là vợ chồng; ông Nguyễn Thành T2 là anh ruột của bà Nguyễn Thị Kim P nên lời khai của hai người này về việc chứng kiến ông bà vay tiền của ông Lê Chí N là không đúng. Ông bà xác định không có việc vay số tiền 480.000.000 đồng tại nhà ông T2 như ông N trình bày.

Ông H, bà G, chị S thống nhất với danh sách sao kê tài khoản số 070076052849 của ông Huỳnh Văn H do Ngân hàng TMCP S1 cung cấp.

Bị đơn ông Lê Chí N do người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và bà G.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, ông N và bà P có vay tiền của ông H và bà G vay số tiền 1.500.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, các bên có làm biên nhận vay tiền. Từ ngày 15/9/2019 đến ngày 30/11/2022, ông N đã thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 1.986.000.000 đồng thông qua tài khoản số 070076052849 của ông H tại Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh D. Hiện nay, ông N và bà P không còn nợ tiền của ông H và bà G.

Khoản vay 500.000.000 đồng ngày ngày 30 tháng 10 năm 2020 và khoản vay 500.000.000 đồng ngày 03 tháng 03 năm 2021 như ông H trình bày thì ông N không đồng ý.

Vào ngày 01/01/2020, ông Lê Chí N cho ông H và bà G vay số tiền 480.000.000đồng, khi cho vay không có làm giấy tờ, nhưng có ông Nguyễn Thành T2 sinh năm 1984 và bà Trần Thị Mỹ L sinh năm 1989 cùng địa chỉ: Kênh V xã T, huyện T, tỉnh Long An chứng kiến.

Ông N có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông H và bà G liên đới trả số tiền 480.000.000đồng và tiền lãi của khoản vay 480 triệu đồng theo mức lãi suất 1.67%/tháng từ ngày 01/01/2020 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà là vợ của ông Lê Chí N, bà xác định bà và ông N chỉ vay của ông H, bà G số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Sau khi vay tiền, bà và ông N đã hoàn tất việc thanh toán cho ông H, bà G. Ngoài ra, các khoản tiền khác không có liên quan đến bà nên bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà G. Bà có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H đối với ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H số tiền 1.802.295.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.551.500.000 đồng, tiền lãi là 250.795.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H đối với ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu trả tổng số tiền 803.152.000 đồng, trong đó tiền gốc là 448.500.000 đồng, tiền lãi là 354.652.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Chí N đối với bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" đối với số tiền 670.080.000 đồng, trong đó tiền gốc là 480.000.000 đồng, tiền lãi là 190.080.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Chí N kháng cáo vào ngày 06 tháng 9 năm 2023.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị .

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong phần tranh luận:

Các nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về khoản vay ngày 30/10/2020, dù các bên không có giấy tờ chứng minh nhưng phía bị đơn vẫn đóng lãi đầy đủ và khi chốt nợ thì vẫn chấp nhận khoản vay vào số nợ chung.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Chí Nghĩa l bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày: ông N rút lại yêu cầu kháng cáo và yêu cầu phản tố liên quan đến khoản vay số tiền 480.000.000 đồng đối với ông H và bà G. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 30/10/2020 thì ông N không đồng ý do nguyên đơn không có giấy tờ chứng minh về khoản vay này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nhận thấy ông N, bà P thừa nhận có vay tiền của bà G, ông H với mức lãi suất 02%/tháng, bản án sơ thẩm giải quyết điều tiết khấu trừ phần tiền lãi bị đơn trả thừa vào tiền gốc vay là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo bản án sơ thẩm, từ ngày 04/3/2021 đến ngày 21/11/2021, số tiền ông N, bà P chuyển trả cho ông H, bà G theo danh sách sao kê là 586.000.000đ, số tiền lãi tính theo quy định pháp luật ông N, bà P phải trả cho ông H, bà G là 292.908.611đ, như vậy số tiền lãi ông N, bà P trả thừa là 293.091.389đ (586.000.000đ - 292.908.611đ) lẽ ra sẽ được trừ vào số tiền gốc ông N, bà P còn nợ ông H, bà G.

Cụ thể: Đến ngày 04/3/2021, ông N, bà P còn nợ tiền gốc 2.051.500.000đ; Từ ngày 04/3/2021 đến ngày 21/11/2021, ông N, bà P trả lãi thừa 293.091.389đ nên được trừ vào tiền gốc: 2.051.500.000đ - 293.091.389 đồng = 1.758.408.611đ.

Ngày 22/11/2021 ông N, bà P trả cho ông H, bà G tiền gốc 500.000.000đ, như vậy đến ngày 22/11/2021 ông N, bà P còn nợ ông H, bà G tiền gốc 1.258.408.611đ (1.758.408.611đ - 500.000.000đ).

Bản án sơ thẩm chỉ trừ số tiền gốc 500.000.000đ ông N, bà P trả vào ngày 22/11/2021 mà không khấu trừ 293.091.389đ tiền lãi trả thừa ngay tại thời điểm ngày 21/11/2021 vào tiền gốc. Dẫn đến cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử 24/8/2023 trên số tiền gốc 1.551.500.000đ (2.051.500.000đ - 500.000.000đ) là không đúng, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của ông N, bà P. Cụ thể:

Tiền lãi từ ngày 22/11/2021 đến ngày 24/8/2023 trên số tiền gốc 1.258.408.611đ là 442.026.397đ. Bản án tính trên số tiền gốc 1.551.500.000đ nên thành tiền lãi là 543.886.944đ, chênh lệch bất lợi cho bị đơn 101.860.547đ.

Lẽ ra ông N, bà P chỉ phải trả cho ông H, bà G tổng cộng gốc và lãi là 1.700.435.008đ, nhưng do tính nhầm nên bản án tuyên buộc bị đơn trả cho ông H, bà G tổng cộng gốc lãi là 1.802.295.000đ.

Về số tiền 480.000.000đ ông N yêu cầu phản tố nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận, tại phiên tòa phúc thẩm bà S đại diện cho ông N rút kháng cáo phần này nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Chí N; Chấp nhận kháng nghị của Viện KSND tỉnh L. Sửa một phần bản án sơ thẩm như phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí N đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử xét xử phúc thẩm: Bị đơn ông Lê Chí N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị đối với một phần bản án. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị T1 xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của đương sự xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Chí Nghĩa l bà Nguyễn Thị Ngọc S rút yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Kim P về khoản vay số tiền 480.000.000 đồng và rút kháng cáo về nội dung này. Việc rút yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Các bên thống nhất về việc ký giấy mượn tiền ngày 15/8/2019, ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P có vay của ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị G số tiền 1.500.000.000đồng.

Ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị G trình bày ngày 30/10/2020 tiếp tục cho ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P vay tiếp 500.000.000đồng (không có làm giấy tờ) và ngày 03 tháng 03 năm 2021, ông N và bà P vay thêm 500.000.000đồng không có làm giấy tờ nhưng chuyển khoản qua tài khoản số 68010000642940 của ông N; việc này không được ông Lê Chí N thừa nhận. Tuy nhiên, ông H, bà G xuất trình được chứng cứ gồm: Lệnh chuyển tiền kiêm giấy nộp tiền ngày 03/3/2021 có nội dung chuyển cho ông Lê Chí N số tiền 500.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm chị S đại diện cho ông N xác nhận số tài khoản thể hiện trên lệnh chuyển tiền là của ông Lê Chí N; bảng in nội dung tin nhắn zalo giữa ông N với bà G ngày 03/3/2021 với nội dung "Tổng cộng con mượn 4. 2tỷ 500triệu", số tiền tổng "2tỷ 500trieu" này phù hợp với lời trình bày của ông H, bà G về tổng số tiền đã cho ông N, bà P vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã triệu tập ông Lê Chí N tham gia đối chất và đối chất trực tiếp tại phiên tòa nhưng ông Lê

Chí N vẫn vắng mặt và có văn bản đề nghị vắng mặt, không tham gia đối chất trực tiếp với ông H, bà G để chứng minh lời trình bày của ông N. Nên cấp sơ thẩm xác định tính đến ngày 03/3/2021, các bên có xác nhận với nhau các nội dung: "tổng số tiền ông N, bà P vay của ông H, bà G là 2.500.000.000đồng" là có căn cứ. Tuy nhiên do số tiền ông N, bà P thanh toán cho ông H thể hiện theo danh sách sao kê của S2 từ ngày 10/01/2020 đến ngày 03/3/2021 vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) nên cấp sơ thẩm khấu trừ số tiền lãi đã thanh toán vượt quá mức lãi suất 20% năm vào số tiền gốc 1.500.000.000 đồng là phù hợp. Sau đó vào ngày 22/11/2021, ông N, bà P đã thanh toán cho ông H, bà G số tiền 500.000.000 đồng, các bên đều thừa nhận. Ông Lê Chí N trình bày đã thanh toán cho ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị G số tiền từ ngày 15/9/2019 đến ngày 30/11/2022 là 1.986.000.000 đồng thông qua số tài khoản 070076052849: Căn cứ vào danh sách sao kê tài khoản số 070076052849 của ông Huỳnh Văn H do Ngân hàng TMCP S1 cung cấp, thấy rằng, từ ngày 15/8/2019 đến ngày 30/12/2022, ông Lê Chí N và bà Nguyễn Thị Kim P có thực hiện việc chuyển khoản cho ông Huỳnh Văn H tổng số tiền là 1.497.000.000 đồng. Ông H, bà G trình bày tổng số tiền 1.497.000.000 đồng nhận từ ông N, bà P là tiền lãi hàng tháng mà ông N, bà P có trách nhiệm trả và tiền hùn vốn nuôi cá, tiền mượn lên xuống ao, tiền phụ rút Ngân hàng lỗ nhưng lời trình bày này không được ông N (do chị S đại diện) thừa nhận cũng như nội dung chuyển tiền không thể hiện các nội dung này. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H và bà G tự nguyện đồng ý xác định tổng số tiền 1.497.000.000 đồng mà ông H nhận từ ngày 15/8/2019 đến ngày 30/12/2022 thông qua số tài khoản 070076052849 là tiền ông N, bà P thanh toán cho khoản tiền vay và lãi phát sinh giữa hai bên nên cấp sơ thẩm ghi nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm thấy rằng mức lãi suất trên vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên điều chỉnh mức lãi suất về 20%/năm, tương đương 1.67%/tháng; số tiền lãi ông N, bà P đã thanh toán vượt quá so với quy định pháp luật sẽ được khấu trừ vào tiền gốc còn nợ.

Sau khi khấu trừ số tiền còn nợ là: 1.802.295.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.551.500.000 đồng, tiền lãi là 250.795.000 đồng. (tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2023). Nhưng thời điểm khấu trừ số tiền lãi đã trả còn thừa vào số tiền vốn vay còn nợ để tính lãi tiếp mà ông N và bà P phải trả cho ông H và bà G là không phù hợp, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị và đề nghị ông N, bà P chỉ phải trả cho ông H, bà G tổng cộng gốc và lãi là 1.700.435.008đ là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Chí N.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Lê Chí N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí N.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Chí N.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Chí N

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H đối với ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H số tiền 1.700.435.008 đồng, trong đó tiền gốc là 1.258.408.611 đồng, tiền lãi là 442.026.397 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, ông Huỳnh Văn H đối với ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P về việc yêu cầu trả tổng số tiền 803.152.000 đồng, trong đó tiền gốc là 448.500.000 đồng, tiền lãi là 354.652.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Chí N, bà Nguyễn Thị Kim P phải liên đới chịu 63.013.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Ông Lê Chí N phải chịu 31.506.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008354 ngày 30/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông Lê Chí N phải nộp thêm số tiền 19.906.500 đồng.

Ông Huỳnh Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị G phải chịu 18.047.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.600.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007855 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. H1 lại cho ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị G số tiền 21.553.000 đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: H1 lại cho ông Lê Chí N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001872 ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND huyện Đức Hòa;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CCTHADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những